

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2024/DS-ST
Ngày 26 - 8 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Trần Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 419/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL; địa chỉ trụ sở: Số 40 – 42 – 44 PHT, phường VTV, tp RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc M – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông Minh: Ông Lê Trung V – Phó Tổng Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 3366/QĐ-NHKL ngày 21/8/2023).

Người đại diện hợp pháp của ông Việt: Anh Nguyễn Anh V1 – Trưởng bộ phận xử lý nợ khu vực – Phòng xử lý nợ là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 170C/QĐ-NHKL ngày 17/01/2024) (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Cẩm T, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện Ngân hàng trình bày: Chị T với Ngân hàng TMCP KL có ký kết hợp đồng tín dụng từng lần số 319/19/HĐTD/2001-3682 ngày 15/6/2019 để vay số tiền 220.000.000đ; mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất tôm, cua giống; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 16/6/2020, ngày đến hạn 16/6/2021; lãi suất: 11,50%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế và được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Kể từ tháng thứ 4 tính từ ngày giải ngân theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất vay của các khế ước sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP KL tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,8%/năm và không được thấp hơn lãi suất vay tối thiểu hiện hành của lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân (cùng loại hình và phương thức vay); lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả: 10%/năm; hình thức thanh toán: Trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ.

Hợp đồng tín dụng từng lần số 528/20/HĐTD/2001-3682 ngày 24/8/2020 để vay số tiền 40.000.000đ; mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất tôm, cua giống; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 25/8/2020, ngày đến hạn 25/8/2021; lãi suất: 11,50%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế và được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Kể từ tháng thứ 4 tính từ ngày giải ngân theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất vay của các khế ước sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP KL tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,8%/năm và không được thấp hơn lãi suất vay tối thiểu hiện hành của lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân (cùng loại hình và phương thức vay); lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả: 10%/năm; hình thức thanh toán: Trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay gồm: Phần đất tại ấp Thuận Tạo, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 420237 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho chị Trần Cẩm T ngày 15/5/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 420236 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho chị Trần Cẩm T ngày 18/5/2018.

Trong quá trình vay vốn chị T đã thanh toán cho ngân hàng được tổng số tiền 24.081.217đ.

Tính đến ngày 01/4/2024, chị T còn nợ ngân hàng số tiền vốn 260.000.000đ, lãi trong hạn 5.926.192đ, tiền phạt chậm trả lãi 1.564.103đ, lãi quá hạn 115.205.671đ, tổng cộng 382.695.966đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu chị T trả số tiền 382.695.966đ, chi phí phát sinh ngân hàng xử lý tài sản là 58.780.000đ, lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng và xử lý tài

sản đảm bảo để thu hồi nợ trong trường hợp chị T không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Đối với chị Trần Cẩm T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL, buộc chị T trả cho ngân hàng tổng số tiền vốn 260.000.000đ, lãi trong hạn 5.926.192; lãi quá hạn 142.001.014đ, phạt chậm trả lãi 1.899.545đ, chi phí phát sinh ngân hàng xử lý tài sản là 58.780.000đ, tổng cộng 468.606.751đ.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và cho phép Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo khoản tiền vay để thu hồi nợ, nếu trường hợp chị T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Chi phí xem xét tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL khởi kiện chị Trần Cẩm T là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh V1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh V1, chị T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T có ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP KL để vay tiền. Đồng thời, chị T có ký kết tiếp hợp đồng thế chấp tài sản đổi là các phần đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 420237 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho chị Trần Cẩm T ngày 15/5/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 420236 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh

Cà Mau cấp cho chị Trần Cẩm T ngày 18/5/2018 để đảm bảo cho khoản vay với Ngân hàng là thực tế có xảy ra.

[4] Xét hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, chi phí phát sinh khi ngân hàng xử lý tài sản, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và chị T nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử 26/8/2024 chị T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 260.000.000đ, lãi trong hạn 5.926.192; lãi quá hạn 142.001.014đ, phạt chậm trả lãi 1.899.545đ, chi phí phát sinh ngân hàng xử lý tài sản là 58.780.000đ, tổng cộng 468.606.751đ. Như vậy, việc chị T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã làm thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Đối với chị T: Mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện của ngân hàng, nhưng không phản đối bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét yêu cầu của ngân hàng về việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với nội dung của Án lệ số 08/2016/AL nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của ngân hàng về việc thanh lý tài sản đảm bảo trong trường hợp chị T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo và quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét về án phí dân sự và chi phí tố tụng: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 157 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 10 tháng 07 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

1. Buộc Trần Cẩm T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền là 468.606.751 đồng (bốn trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm năm mươi một đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp chị Trần Cẩm T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là các phần đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 420237 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho chị Trần Cẩm T ngày 15/5/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 420236 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho chị Trần Cẩm T ngày 18/5/2018 để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ngân hàng 10.830.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001367 ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4.2. Chị Trần Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 22.744.000 đồng.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Trần Cẩm T phải chịu chi phí xem xét tại chỗ là 200.000 đồng. Buộc chị Trần Cẩm T phải có nghĩa vụ nộp số tiền 200.000 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

6. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét tại chỗ, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

